

SỰ BIỂU HIỆN CỦA "TĨNH" VÀ "ĐỘNG" TRONG THƠ TRẦN NHÂN TÔNG VÀ THƠ HAIKU CỦA M. BASHO (NHẬT BẢN)

HÀ VĂN LƯƠNG*

Thơ cổ Việt Nam và thơ cổ Nhật Bản đều nằm chung trong một kiểu tư duy Phương Đông vốn thiên về trực giác được hình thành trên nền tảng của những cảm xúc, suy tưởng mang tính triết học. Các nhà thơ đã khéo vận dụng các cặp phạm trù biện chứng để tạo nên những nét đối lập trong thơ và chính sự đối lập đó đạt đến sự cân bằng, hài hòa mang tính triết học, thẩm mỹ trong sự vật hiện tượng và con người. Thơ của Trần Nhân Tông và thơ Haiku của M. Basho đề cập đến những vấn đề lớn như: hữu hạn và vô hạn, nhất thời và vĩnh cửu, thực và hư, cụ thể và khái quát, động và tĩnh.... Những phạm trù mang tính lôgic, biện chứng trên không chỉ có ý nghĩa đối với lĩnh vực triết học mà còn gắn bó với những quan niệm Phật giáo Thiền tông. Trong những cặp phạm trù trên "tĩnh" và "động" được hai nhà thơ quan tâm nhiều hơn cả và thể hiện một cách sinh động trong thơ ca của mình. Các phạm trù này vừa nằm ở thế đối lập, vừa có thể chuyển hóa cho nhau. Cho nên chúng ta có thể đặt theo lôgic: tĩnh - động hay động - tĩnh cũng không phá vỡ ý nghĩa riêng lẻ và nghĩa khái quát của nó.

Trong bài viết này, chúng tôi bàn đến tĩnh và động được biểu hiện như thế nào trong thơ Trần Nhân Tông và thơ Haiku của M. Basho để từ đó đưa ra nhận xét, cắt nghĩa về những chỗ gặp gỡ chung cùng một lối tư duy Phương Đông về một phạm trù cụ thể.

1. "Tĩnh" và "Động" trong thơ Trần Nhân Tông

Trần Nhân Tông (1258 - 1308) không chỉ là một nhà vua đời Trần có công lớn trong hai cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên-Mông (1285 và 1287), một nhà thơ xuất sắc ở thế kỷ XIII mà còn là người sáng lập ra dòng Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử ở Việt Nam và làm cho nó "thực sự là Thiền tông mới hoàn toàn của Việt Nam".

Trong thời gian làm vua 14 năm (1279-1293) và sau khi truyền ngôi cho con là Trần Anh Tông để làm Thái Thượng Hoàng rồi đi tu ở núi Yên Tử, Trần Nhân Tông sáng tác nhiều tác phẩm văn học ở nhiều thể loại khác nhau như thơ, phú, bài giảng, ngữ lục, văn xuôi và văn thư ngoại giao nhằm phục vụ cho công việc trị nước, an dân, bảo vệ chủ quyền độc lập của dân tộc và nói đến Phật giáo. Theo một số tài liệu để lại, trong suốt cuộc đời làm vua, đánh giặc và đi tu của mình, Trần Nhân Tông đã làm được 32 bài thơ hoàn chỉnh và 3 đoạn phiên (không kể những câu thơ, đoạn thơ và bài thơ nằm trong thể văn xuôi).

Cũng như một số nhà thơ lớn khác thời Lý - Trần, thơ Trần Nhân Tông chủ yếu là nói đến thiên nhiên phong phú và sinh động. Nói đến cảnh vật trăng sao và những hiện tượng tự nhiên khác, song tác giả không chỉ dừng lại ở việc mô tả mà điều cần hướng tới là cái tâm, cái tình của con người, cái bản ngã, cái "chính mình" của thi sĩ. Trần Nhân Tông nhìn sự vật và con người luôn ở trong thế vừa tĩnh vừa

* Giảng viên chính, Trường Đại học Khoa học Huế.

động. Đây là sự biến động mang tính biện chứng gắn với những vấn đề của đời sống xã hội với vận nước đầy thăng trầm và hiển hách.

Theo quan niệm của Phật giáo Thiền tông, sự vật tồn tại trong không gian và thời gian vô biên, nó “hằng mà chuyển: chừng như nó đứng yên một chỗ, vĩnh viễn trụ ở hiện tiền, mà vẫn lưu chuyển không ngừng, từng phút trong giờ, từng giây trong phút”. Và những người tu thiền cho rằng: “Tôi nhập thiền ở đây mà lại rong chơi ngoài muôn dặm”. Như vậy, *tĩnh* và *động* (hay *hằng* và *chuyển*) là hai trạng thái của con người và sự vật là cặp phạm trù quen thuộc trong đời sống nói chung và của thiền định nói riêng.

Trong thơ Trần Nhân Tông, trạng thái *tĩnh* và *động* được thể hiện tập trung ở một số bài thơ chủ yếu như *Ngắm cảnh chiều Thiên Trường, Trăng, Chiều thu ở Vũ Lâm, Túc sự, Cảnh chiều ở Châu Lạng...* Điểm nổi bật ở đây là các bài thơ trên đều nói đến cảnh trăng. Như vậy, cảnh vật và không gian được nói đến đã gợi lên một cái gì đó buồn bã, yên tĩnh và sẽ tạo cho tâm trạng tác giả có những niềm cảm xúc sâu sắc.

Một buổi chiều, khi về chơi ở hành cung Thiên Trường⁽¹⁾, đứng trong khung cảnh mặt trời dần dần lặn nhìn ra ruộng đồng, xóm thôn nhà cửa đang đi vào buổi chiều hôm, tâm hồn thi sĩ bỗng trào lên một cảm xúc mãnh liệt mang cảm quan tôn giáo và Trần Nhân Tông viết bài thơ *Ngắm cảnh chiều Thiên Trường*:

Trước xóm, sau thôn tựa khói lồng.

Bóng chiều man mác có đường không

⁽¹⁾ Thiên Trường: Theo Đại Nam Nhất Thống chí, thì đời Lý đất đó gọi là Hào Thanh, Trần Thái Tông đổi thành Thiên Thanh, Trần Thánh Tông đổi thành Thiên Trường (Nam Hà). Làng Túc Mặc-quê hương nhà Trần có xây cung điện để vua ngự về chơi.

Theo lời kèn mục trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

(Ngô Tất Tố dịch)

Bài thơ tiêu biểu cho sự cảm nhận nghệ thuật mang tính trực giác và siêu việt của tư tưởng thiền. Nó gợi lên một bức tranh nửa thực nửa hư, nửa có nửa không, mờ ảo nhưng cũng rõ đến từng chấm trắng nhỏ của con cò đang đáp xuống đồng. Đây thực sự là một cảnh chiều hôm khá quen thuộc và tiêu biểu cho vùng nông thôn đồng bằng Bắc Bộ.

Ở bài thơ này, tác giả không chỉ sử dụng sự cảm nhận bằng thị giác (nhìn thấy xóm thôn trước sau, bóng chiều man mác, cảnh đồng quê, chú bé chăn trâu và những con cò trắng) bằng thính giác (nghe tiếng kèn mục) mà còn nhìn thấy được sự chuyển động của vũ trụ, đất trời đang bước vào đêm và sự chuyển đổi của nhận thức. Nếu hai câu thơ đầu mô tả cảnh thực và tĩnh của sự vật, nó mờ ảo, lung linh khiến con người không còn nhận ra đó là thực hay hư:

Trước xóm, sau thôn tựa khói lồng

Bóng chiều man mác có đường không

thì hai câu thơ cuối kết thúc lại nói đến cảnh động của cảnh vật đó bởi tiếng kèn mục đồng và sự bay liệng đáp xuống ruộng của con cò trắng.

Theo lời kèn mục trâu về hết

Cò trắng từng đôi liệng xuống đồng.

Từ bức tranh tĩnh lặng chỉ có cảnh vật thấp thoáng, với sự xuất hiện của con người, tiếng động và những con cò trắng, tác giả đã phá tan cái không khí tĩnh mịch của buổi chiều đưa người đọc đến với khung cảnh nhộn nhịp, hối hả, đến với cái động của con người. Một sự chuyển động mang tính quy luật của thiên nhiên vũ trụ, một sự cảm nhận tài tình của thi sĩ đã tạo nên một cảnh chiều ở Thiên Trường thật

tuyệt vời. Ở đây khi cái hiện hữu thắng cái hư vô thì cái động cũng thắng cái tĩnh.

Ở bài thơ *Buổi chiều mùa thu ở Vũ Lâm*, cũng cảm giác thực thực, hư hư, Trần Nhân Tông đã vẽ nên một cảnh vật vừa *tĩnh* vừa *động*. Mở đầu bài thơ, tác giả bắt đầu từ một cảnh ảo: đó là bóng chiếc cầu lộn ngược in hình trên khe nước. Một ánh nắng chiều xuyên qua trên mặt nước như chia đôi giới hạn giữa “ảo” và “thực”:

Lòng khe lộn ngược bóng cầu treo

Mặt nước in ngang ngấn nước chiều.

Lòng khe, chiếc cầu treo lộn ngược trong ánh nắng chiều tạo nên khung cảnh *tĩnh* vừa đẹp, vừa thực, và hư. Nhưng trong không gian im ắng đó, bên nghìn non vắng vẻ thâm u, thoảng nghe một chiếc lá đỏ nhẹ rơi. Và đâu đây quyên trong mây chiều tiếng chuông chùa xa vọng lại:

*Lá đỏ nhẹ rơi, nghìn núi *tĩnh*.*

Trong mây vắng vắng tiếng chuông kêu.

(Ngô Tất Tố dịch)

Tiếng lá rơi, tiếng chuông ngân trong sương chiều là những âm thanh động tạo nên sức sống của cảnh vật và con người mà nếu thiếu nó thì bức tranh chiều Vũ Lâm chỉ là cảnh vật vô hồn. Bức tranh mùa thu hiện ra đây quyên rũ với những âm thanh và màu sắc và cả nhịp chuyển mình chậm rãi của nó. Chính điều này đã làm thức tỉnh tâm hồn tác giả trước một thoáng hư vô.

Trong bài thơ “*Trăng*”, Trần Nhân Tông mô tả một cảnh trăng thu đầy hiện thực và lãng mạn làm xao động lòng người. Ở đây, tác giả sử dụng lối cảm nhận bằng các giác quan (thị giác, khứu giác, thính giác...) khi mô tả sự vật. Nếu hai câu thơ đầu mô tả cảnh thực và *tĩnh*:

*Đầy sách giường song chéch bóng đèn
Sân thu sương búa thoảng hơi đêm*

thì tiếp hai câu cuối là nói đến sự vận động của đất trời:

Tiếng chày thức dậy đâu hay biết

Hoa mọc trên cành trăng mới lên

(Lê Mạnh Thát dịch)

Đây là quang cảnh của một đêm thu ở thư phòng người kẻ sĩ. Căn phòng đầy sách, lộng lẫy chỉ còn ánh đèn soi rọi, ngoài sân kia về khuya sương buông khắp màn đêm, tiếng chày đập vải đã vắng ngắt từ lâu. Nhưng khi tỉnh dậy, thì nhân nhìn thấy vắng trăng thu vừa mới lên động lại trên chùm hoa mọc mới nở. Cả bài thơ chủ yếu là cảnh động xen lẫn một vài yếu tố *tĩnh*. Sự vận động của thiên nhiên (đêm sương *rơi* nặng hạt, hoa mọc *nở* và trăng *lên*) xen lẫn sự vận động của tình cảm và tư duy thơ của Trần Nhân Tông. Từ việc mô tả sự vật trong nhà ra ngoài sân, đến việc cảm nhận hơi đêm của sương và nhìn xa hơn là vắng trăng mới lên... đó là một cái nhìn mang tính biện chứng.

Đỉnh cao của cái nhìn về phạm trù *tĩnh, động* trong thơ Trần Nhân Tông biểu hiện tập trung nhất qua hai câu thơ trong bài *Tức sự*. Tương truyền rằng, trong lễ khai hoàn ăn mừng chiến thắng quân Nguyên lần thứ 2 (1287) tổ chức trước lăng vua Trần Thái Tông, nhân thấy chân ngựa đá xung quanh lăng đều bị lấm bùn, với cảm hứng tràn đầy khôn tả, Trần Nhân Tông đã tức cảnh viết:

Xã tắc hai phen bon ngựa đá

Non sông nghìn thuở vững âu vàng

(Trần Trọng Kim dịch)

Hai câu thơ trên ý tứ thật đơn giản, nói đến một cảnh thực nhưng là một sự tổng kết hoàn hảo nhất về một chặng đường lịch sử chống ngoại xâm về vang của dân

tộc Đại Việt. Sự vận động của hình tượng thơ bên trong gắn với sự vận động của đất nước và con người đất Việt. Ở đây, hai phạm trù *động*, *tĩnh* được nói đến nhưng không ở dạng loại trừ nhau mà chuyển hoá cho nhau một cách tinh tế trong quá trình song hành. Khác với những bài thơ khác, tác giả thường đưa cái *tĩnh* lên trước cái *động* thì ở hai câu thơ này, Trần Nhân Tông nói đến cái *động* của đất nước qua hai phen gian lao vất vả, cả người và ngựa đã đều phải “vào cuộc” và khẳng định cái tồn tại vĩnh hằng của đất nước sạch bóng quân xâm lược. Tư thế “non sông nghìn thuở vững âu vàng” là một hệ quả tất yếu của vẻ trên nói đến cái *tĩnh* muôn thuở của xã tắc và vững vàng như bàn thạch.

Như vậy, trong quan niệm và trong tư duy thơ của Trần Nhân Tông, phạm trù *tĩnh*, *động* không chỉ gắn với cảnh vật, con người mà cao hơn là gắn bó với vận nước. Khi phản ánh hiện thực, mục đích của tác giả là dẫn ta về với thực tại, tạo ra sự hội nhập giữa người và cảnh, giữa thân và tâm, giữa tưởng và tánh và cuối cùng là để nhận rõ ra “chính mình”.

2. "Tĩnh" và "Động" trong thơ Haiku ⁽²⁾ của M.Basho

M.Basho (1644-1694) là một nhà thơ cổ điển lớn của nền thi ca Nhật Bản. Ông là người có công lớn trong việc cách tân, hoàn thiện và đưa thể thơ Haiku trở thành một thể thơ lớn của văn học Nhật Bản và nổi tiếng trên thế giới. M.Basho không chỉ là một thi sĩ có tài năng mà còn là một vị Thiền sư tâm huyết với Phật giáo Thiền tông.

Thơ của M.Basho nói riêng và thơ Haiku Nhật Bản nói chung đều nói đến

phạm trù *tĩnh* và *động* và xem đó như là những biểu hiện của quan niệm Thiền tông về cuộc đời, sự vật, đồng thời đó cũng là quan niệm nhân sinh mang tính triết học về con người và cuộc sống. Trong thơ M.Basho, trạng thái *tĩnh* và *động* thể hiện không chỉ thông qua việc nhà thơ dùng các từ nói về trạng thái đó như: *tĩnh* (hoang vu, cô liêu, cô tịch, cõi quanh hiu...), *động* (nước lao xao, vắng dương, tiếng chim cu, tiếng đẽ kêu...) mà nó còn thể hiện trong cấu tứ một bài thơ. Sự lắng đọng của tâm hồn sẽ phát hiện ra được sự lưu chuyển trong cấu tứ một bài thơ. Sự lưu chuyển của thế giới vạn vật. Sự hoà đồng, lắng sâu vào sự vật của thi sĩ là cội nguồn tạo nên thi ca và giúp nhà thơ phát hiện ra được những quy luật vận động nội tại của vũ trụ.

Từ hình ảnh một chiếc ao cũ, một con ếch mà thi sĩ Basho đã viết nên một bài thơ Haiku nổi tiếng.

Ao cũ

Con ếch nhảy vào

Vang tiếng nước xao.

Nếu từ “ao cũ” biểu hiện sự trầm lặng, tĩnh tại, già nua và xưa cũ của một sự vật vô tri vô giác tồn tại từ ngàn đời và là sự trường cửu, bất biến thì từ “nước xao” và hành động nhảy của con ếch là trạng thái *động*, cái xảy ra nhất thời. Hình ảnh “ao cũ” thể hiện tính vĩnh cửu của không gian và thời gian, hình ảnh “con ếch” nói lên quan hệ biến dạng của sự vật trong sự sinh tồn. Một cú nhảy của con ếch đã đánh thức cả vũ trụ. Sự sinh tồn biến dạng của loài ếch trong ao có khác gì so với sự hiện hữu của con người trong trần gian. Nhận xét về vấn đề này nhà nghiên cứu D.T.Suzuki (Nhật Bản) cho rằng: “Cái ao cũ của Basho nằm bên kia bờ vĩnh cửu của thời gian và vô thời gian. Đó là nơi vạn vật sinh ra là nguồn suối của thế giới

⁽²⁾ Thơ Haiku Nhật Bản thịnh hành ở thế kỷ XVII, XVIII mà M.Basho là nhà thơ lớn nhất của thể thơ này. Một bài thơ Haiku gồm 3 câu và 17 âm tiết thường nói về thiên nhiên, sự vật và con người.

sai biệt này nhưng trong chính nó không hề mảy may sai biệt nào”. Đi giữa đồng thảo hoang vu rộng lớn của ngày hè, bỗng vang lên tiếng chim cu trong không gian xoá tan sự tĩnh mịch và con người như hoà vào thiên nhiên:

Tiếng cu kêu

Nỗi buồn ta sẽ

Tan vào tịch liêu.

Ở đây, cái *tĩnh* và *động* đan cài với nhau. Nếu không có tiếng chim kêu (động) thì cảnh vật, không gian chỉ chìm vào *tĩnh lặng (tĩnh)*. Âm thanh của loài chim báo hiệu sự sống đang hiện diện của loài vật và của cả con người. M.Basho không chỉ nhận biết hình ảnh, sự vật bằng các giác quan mà còn nhận biết thế giới xung quanh bằng cảm quan đặc biệt, bằng sự đồng điệu lắng sâu tuyệt đối.

Âm thanh tiếng chuông chùa ban mai vọng đến từ thế giới thiên cảnh khiến cảnh vật như thực như hư:

Rạng sáng

Trời trong sương mù

Tiếng chuông

Tiếng chuông “trôi trong sương mù” và vang vọng giữa những đám mây hoa anh đào là những âm thanh được lĩnh hội không chỉ bằng thính giác và thị giác mà bằng cả tâm hồn của thi sĩ. Trong không gian *tĩnh* của buổi sáng mai bao phủ bởi làn sương mù dày đặc, tiếng chuông chùa vang lên làm xao động con người và cảnh vật làm cho nó chuyển động, có hồn. Nhìn ánh trăng đêm mùa hạ, bên sông Sumida thi sĩ Basho loé lên một ý tưởng và vỗ nhẹ đôi bàn tay:

Tôi vỗ bàn tay

Dưới trăng mùa hạ

Tiếng dội về ban mai (M.Basho).

Cái yên tĩnh của đêm mùa hạ rất sâu lắng nhưng bỗng vang lên tiếng vỗ tay của con người phá tan bầu không gian trầm lắng đó. Âm vang tiếng vỗ tay gọi bình minh lên hay ánh sáng đó đã có trong tâm hồn thi sĩ Basho? Ở đây, quy luật của tự nhiên và ước nguyện của con người dường như trùng hợp nhau. Một sự cảm nhận vừa mang tính quy luật vừa phảng phất tính lãng mạn. Nhà thơ gọi thời gian về và vũ trụ đã đáp lại. Một ý tưởng rất trữ tình và độc đáo.

Trạng thái *tĩnh* và *động* trong thơ M.Basho chủ yếu là nói đến thiên nhiên và cuộc sống con người theo cách nhìn của một thiền sư.

3. Một số nhận xét

3.1. Chúng ta có thể chỉ ra những điểm chung của hai nhà thơ lớn này để lý giải sự gặp gỡ trong việc thể hiện phạm trù *động, tĩnh* trong thơ của họ.

- Trước hết, Trần Nhân Tông và M.Basho vừa là nhà thơ vừa là Thiền sư. Vì thế, họ có quan niệm khá giống nhau khi phản ánh sự vật và con người. Đặc biệt, từ khi Trần Nhân Tông trở thành người sáng lập Thiền phái Trúc Lâm Yên Tử và M.Basho là một đại sư với hàng nghìn đệ tử thì trong thơ của họ in đậm dấu ấn Thiền tông.

- Thơ ca Trần Nhân Tông và M.Basho chủ yếu là nói đến thiên nhiên, con người và sự vật, nổi bật là cảnh sắc bốn mùa, trong đó phạm trù *động, tĩnh* được đề cập đến nhiều nhất thể hiện vũ trụ quan và nhân sinh quan của họ.

- Hầu hết trong thơ ca của hai thi sĩ, cái được mô tả là cảnh sắc thiên nhiên và con người. Nhưng suy cho cùng, Trần Nhân Tông và M.Basho nhằm biểu hiện cái bản ngã, bản tâm của chính họ.

3.2. Tuy có những điểm chung như trên nhưng về một số phương diện, hai nhà thơ cũng có những điểm khác nhau. Và chính điều này giải thích mức độ đậm nhạt trong thơ cũng họ khi đề cập đến *động, tĩnh*.

- Thành phần xuất thân và vị trí xã hội của Trần Nhân Tông và M.Basho hoàn toàn khác nhau. Nếu Trần Nhân Tông là một nhà vua (về sau là Thái Thượng hoàng) thuộc dòng dõi nhà Trần thì M.Basho thuộc đẳng cấp Samurai nhưng đã sa sút và suốt cuộc đời cũng chỉ là một thợ thợ gắn bó với thể thơ Haiku. Vì thế, nếu phạm trù *động, tĩnh* trong thơ Trần Nhân Tông thường gắn liền với những biến cố của đời sống xã hội và các biến cố lịch sử của dân tộc Đại Việt thì trong thơ M.Basho, *động, tĩnh* chủ yếu là được nhìn nhận theo quan niệm của Phật giáo Thiên tông.

- Rõ ràng, Trần Nhân Tông và M.Basho thuộc hai quốc gia và hai thời đại khác nhau. Trần Nhân Tông và triều đại nhà Trần là một trong những đỉnh cao của chế độ phong kiến Việt Nam ở thế kỷ XIII với hào khí Đông Á của tinh thần Đại Việt. Và sau triều Trần thì đất nước rơi vào loạn lạc với sự cướp ngôi của Hồ Quý Ly và những biến động dữ dội sau đó. Chính thời đại đã tác động rất lớn đến sự hình thành nhân cách của thi sĩ và đồng thời cũng để lại dấu ấn rất đậm nét trong thơ Trần Nhân Tông.

M.Basho sống vào thế kỷ XVII ở triều đại Tokugawa - đỉnh cao đồng thời là triều đại phong kiến cuối cùng của chế độ phong kiến Nhật Bản trước khi chuyển qua chế độ tư bản được đánh dấu bằng cuộc cách mạng Minh Trị (1868). Vì thế, những thăng trầm của thời cuộc và thế sự được M.Basho thể hiện trong thơ ca của mình.

- Trong giao lưu văn hóa, văn học Việt Nam và văn học Nhật Bản đều chịu ảnh hưởng và tiếp thu những tinh hoa của văn học Trung Quốc trong đó có thể thơ. Tuy nhiên, mức độ tiếp nhận giá trị văn hóa của nước ngoài ở mỗi nước, mỗi thời đại và mỗi tác giả không giống nhau. Nếu thơ chữ Hán của Trần Nhân Tông chủ yếu viết theo thể thất ngôn và ngũ ngôn (thể thơ Đường luật) thì ngược lại, M.Basho chỉ viết theo thể thơ Haiku và thơ tự do. Sự chọn lựa thể loại xuất phát từ nhu cầu phản ánh và sở thích của từng thi sĩ nhưng cũng chịu sự chi phối của những yếu tố khách quan khác.

Tìm hiểu sự nghiệp sáng tác của Trần Nhân Tông và M.Basho trong nhiều khía cạnh, đặc biệt là quan niệm vũ trụ quan và nhân sinh quan về phạm trù *động, tĩnh* là một vấn đề chắc đã, đang và sẽ được nhiều người quan tâm. Những ý kiến trên đây của chúng tôi chỉ là những vờ vạc ban đầu, chắc chắn sẽ còn phải tiếp tục đi sâu hơn nữa.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. *Hợp tuyển thơ văn Việt Nam* (thế kỷ X đến thế kỷ XV, Nxb Văn học, Hà Nội 1976).
2. Nguyễn Phạm Hùng: *Văn học Lý-Trần - Nhìn từ thể loại*, Nxb Giáo dục, H.1996.
3. Lê Mạnh Thát: *Toàn tập Trần Nhân Tông*, Nxb T.P Hồ Chí Minh, 2000.
4. Nhật Chiêu: *M.Basho và thơ Haiku*, Nxb Văn học và Trường ĐHTH Hồ Chí Minh, 1994.
5. Nhật Chiêu: *Thơ ca Nhật Bản*, Nxb Giáo dục 1999.
6. D.T.Suzuki: *Cốt tủy của đạo Phật*, Nxb An Tiếu, Sài Gòn 1971.